| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN HUYỆN THỦ THỪA TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-DS ngày 12/5/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXX-ST ngày 27/5/2022, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Thanh L**, sinh năm 1963. Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Bà **Cao Thị Bạch Tuyết Tr**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp AH2, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp AH 2, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An. (mẹ bà Tr)

- Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Địa chỉ: khu phố 9, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An (chồng bà L)

(Bà L, bà Tr, bà L1 có mặt. Ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt.)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Cao Thị Thanh L trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr có vay của bà 2 lần, cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Do bà Nguyễn Thị L1 (mẹ của bà Tr) có nợ bà 850.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 22/2018/QĐST-DS ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa. Sau đó, bà làm đơn yêu cầu thi hành án thì bà L1 bị kê biên quyền sử dụng đất. Bà L1 đã thanh toán một phần nghĩa vụ nhưng còn nợ 80.000.000 đồng. Để bà L1 hoàn tất việc thi hành án và quyền sử dụng đất không bị kê biên nữa nên bà Tr đã ký "Giấy mượn tiền ngày 26/12/2019 âm lịch" với nội dung nợ bà số tiền 80.000.000 đồng, mục đích làm ăn và sẽ trả dần mỗi ngày 100.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ ngày 26/12/2019 âm lịch, không lãi suất. Đến ngày 15/8/2020, bà Tr đã trả được 226 ngày là 22.600.000 đồng, còn thiếu 574 ngày là 57.400.000 đồng.

Lần vay thứ hai: Ngày 29/4/2020 (âm lịch), bà Tr có vay thêm của bà số tiền 60.000.000 đồng, mục đích là để làm ăn, thời hạn trả là 120 ngày, không lãi suất. Khi vay, bà Tr có làm giấy tay và ký tên vào giấy mượn tiền ngày 29/4/2020 âm lịch. Bà Tr có trả tiền cho bà nhiều lần nhưng không nhớ ngày và số tiền cụ thể, cộng lại bà Tr đã trả được 45.000.000 đồng, còn nợ bà 15.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay, bà Tr còn nợ bà số tiền 72.400.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr trả cho bà 72.400.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Việc bà Tr vay tiền của bà không có liên quan đến người thứ ba nào khác. Bà Tr chỉ đồng ý trả 15.000.000 đồng còn nợ của khoản vay 60.000.000 đồng và xin không trả số tiền 57.400.000 đồng (của khoản nợ 80.000.000 đồng) thì bà không đồng ý vì nợ đã quá lâu. Bà Tr đã nhiều lần hứa hẹn với bà mà không thực hiện.

** Bị đơn bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận có điền nội dung và ký tên trong hai giấy mượn tiền ngày 26/12/2019 (âm lịch) và ngày 29/4/2020 (âm lịch).

Về khoản vay ngày 26/12/2019 (âm lịch): Thực chất trước đây, em bà là Cao Thanh T có nhu cầu làm ăn đã vay tiền của bà L. Em của bà không có tài sản gì nên bà L1 (mẹ của bà) đứng ra làm giấy vay tiền của bà L. Sau đó, bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa và Tòa án giải quyết buộc bà L1 phải trả cho bà L 850.000.000 đồng nhưng được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng. Bà L1 đã trả tiền cho bà L nhưng còn nợ 80.000.000 đồng nên chưa hoàn thành việc thi hành án. Để quyền sử dụng đất không bị kê biên và để bà L1 hoàn tất việc thi hành án nên bà mới viết "Giấy mượn tiền ngày 26/12/2019 âm lịch". Thực tế bà không có nhận số tiền này. Đây là số tiền lãi mà bà L1 còn phải thi hành án cho bà L. Nay bà L khởi kiện thì bà xin bà L bớt cho bà 57.400.000 đồng. Do bà bị bệnh và làm ăn khó khăn, thua lỗ. Việc bà lãnh số nợ 80.000.000 đồng thì bà không có yêu cầu mẹ của bà phải liên đới trả nợ cho bà L cũng không có yêu cầu bà L1 phải trả số tiền này lại cho bà.

Về khoản nợ 60.000.000 đồng: Trước đây, do em của bà là Cao Thanh T có vay tiền của bà L nhiều lần là 35.000.000 đồng. Sau đó, ông T với bà L trao đổi với nhau và kêu bà qua nhà bà L lấy thêm 25.000.000 đồng thành 60.000.000 đồng. Sau đó, em của bà cũng có gửi tiền về để trả cho bà L nên còn nợ 15.000.000 đồng. Số tiền này bà có nhận nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L là một mình bà sẽ có nghĩa vụ trả 15.000.000 đồng.

Hiện nay, ông Cao Thanh T ở thành phố CT nhưng bà không biết chính xác địa chỉ. Ông T đã bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày như sau:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Tr. Trước đây, bà có nghĩa vụ thi hành án cho bà L số tiền 850.000.000 đồng. Sau đó, bà có trả nhưng chưa đủ. Do lớn tuổi nên việc thi hành án sau này bà Tr thực hiện chứ bà không rõ. Nay bà L khởi kiện, bà xin bà L bỏ bớt một phần tiền nợ do hiện nay bà Tr bị bệnh và làm ăn khó khăn. Bà thì già yếu không làm gì có tiền để phụ con bà trả nợ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H trình bày như sau:* Bà Cao Thị Thanh L có cho bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr mượn tiền dẫn đến việc khởi kiện. Ông không tham gia, không biết và không liên quan gì, đó là số tiền riêng của bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Công H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét khoản vay thứ nhất:

Các đương sự thống nhất theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 22/2018/QĐST-DS ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thì bà L1 có nghĩa vụ trả cho bà L 850.000.000 đồng. Bà L1 đã thực hiện được 1 phần nghĩa vụ, còn nợ bà L 80.000.000 đồng. Nhằm để bà L1 hoàn tất thủ tục thi hành án và quyền sử dụng đất không bị kê biên nữa nên bà Tr đã điền và ký giấy mượn tiền ngày 26/12/2019 âm lịch với nội dung mượn bà L 80.000.000 đồng, hình thức trả dần mỗi ngày 100.000 đồng, bắt đầu từ ngày 26/12/2019 âm lịch. Đến nay, bà Tr trả cho bà L được 22.600.000 đồng, còn nợ 57.400.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, thực chất đây là sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà L1 sang bà Tr được bà L chấp thuận theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự. Bà L1 biết cũng không phản đối. Việc bà Tr ký tên trong giấy mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý. Bà Tr cũng đã trả cho bà L 22.600.000 đồng. Nay bà Tr thừa nhận còn nợ bà L 57.400.000 đồng và xin bà L xóa nợ số tiền này nhưng không được bà L chấp nhận. Như vậy, bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên có cơ sở buộc bà Tr trả cho bà L 57.400.000 đồng.

Bà Tr nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L1 để bà L1 hoàn tất việc thi hành án đó là mối quan hệ giữa bà Tr với bà L1. Trong vụ án này, bà Tr, bà L1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét khoản vay thứ hai:

Bà Tr cho rằng do em của bà là ông T vay của bà L 35.000.000 đồng, sau đó kêu bà qua nhà bà L lấy thêm 25.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng. Bà Tr thừa nhận có điền nội dung và ký tên vào "Giấy mượn tiền" ngày 26/12/2019 âm lịch và còn nợ 15.000.000 đồng.

Xét thấy, bà Tr cho rằng khoản vay này liên quan đến ông T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà L không thừa nhận. Do đó, căn cứ vào nội dung "Giấy mượn tiền" ngày 26/12/2019 âm lịch" có chữ ký của bà Tr xác định bà Tr có vay của bà L 60.000.000 đồng. Bà Tr đã trả 45.000.000 đồng, còn nợ bà L 15.000.000 đồng. Bà Tr tự nguyện trả cho bà L 15.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về lãi suất: Bà L yêu cầu bà Tr trả 72.400.000 đồng đã vay, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà L, không trái quy định pháp luật và có lợi cho bà Tr nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận toàn bộ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa. Buộc bà Tr phải trả cho bà L 72.400.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, bà Tr phải chịu 3.620.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 370, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thanh L đối với bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Cao Thị Bạch Tuyết Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị Thanh L số tiền 72.400.000 đồng (Bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị Bạch Tuyết Tr phải chịu 3.620.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị Thanh L không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Cao Thị Thanh L 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002440, ngày 11/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Đã ký

**Lê Thị Mỹ Phượng**

| CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN | THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|
| **Trần Văn Nhị - Bùi Mạnh Quyết** | **Lê Thị Mỹ Phượng** |